

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ XÉT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, THƯỞNG ĐIỂM MIỄN HỌC CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH
TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 NĂM HỌC 2022-2023

[illegible]

22	CK CTM	K165520103172	Nguyễn Thành	Sơn	11/10/1998	2016-2023	0	HSK3	11/3/2023	279	VKT	HN		Đạt	
23	CĐT	K165520114039	Trần Đức	Mạnh	17/11/1998	2016-2023	2	TOEFL	5/6/2022; 17/11/2022	380; 323	IIG VN	ĐHKTCN	201	Đạt	
24	CĐT	K165520114074	Nguyễn Đình	Vọng	1/11/1998									K Đạt	K có DL
25	CĐT	K165520114119	Nguyễn Tiên	Phúc	25/1/1998									K Đạt	K có DL
26	CĐT	K165520114132	Hoàng Văn	Thành	14/10/1998	2016-2023	2	TOEFL	18/12/2022; 23/4/2023	407	IIG VN	ĐHKTCN	222	K Đạt	01 đợt thi khi chưa HTCTĐT
27	CĐT	K165520103253	Tổng Sỹ	Tùng	18/6/1998									K Đạt	K có DL
28	CĐT	K165520114185	Nguyễn Thành	Long	14/9/1998									K Đạt	K có DL
29	CK CTM	K175520103038	Lê Như	Thanh	16/2/1999	2017-2023	2	TOEFL	23/1/2022; 21/8/2022	400; 350	IIG VN	ĐHKTCN	211	Đạt	
30	CK CTM	K175520103155	Dương Văn	Kiên	22/12/1999									K Đạt	K có DL
31	CK CTM	K175520103194	Lê Minh	Cường	11/12/1997	2017-2023	2	A2; TOEFL	17/9/2022; 23/10/2022	32; 387	ĐHKTCN	ĐHKTCN	211	Đạt	
32	CK CTM	K175520103088	Hà Đức	Thiện	20/7/1999	2017-2023	1	B1 (Chứng nhận)	15/5/2022	5.0	ĐH TN	TN		K Đạt	HĐ xem xét
33	CK CTM	K175520103095	Nguyễn Bá	Tùng	16/7/1999									K Đạt	K có DL
34	CK CTM	K175520103172	Đỗ Đình	Duy	29/11/1999	2017-2023	1	B1	15/5/2022	97	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
35	KT CĐT	K175520114014	Trần Đức	Duy	17/5/1999	2017-2023	1	B2 (Chứng nhận)	11/5/2022	7.5	ĐHTN	TN		K Đạt	HĐ xem xét
36	KT CĐT	K175520114059	Lương Quang	Trưởng	10/10/1999	2017-2023	1	HSK3	21/8/2022	214	VKT	TN		Đạt	
37	KT CĐT	K175520114141	Sùng A	Chư	27/4/1999									K Đạt	K có DL
38	KT CĐT	K175520114199	Nguyễn Văn	Tuyên	22/2/1999									K Đạt	K có DL
39	CK CTM	K185520103037	Đinh Xuân	Thảo	11/10/2000									K Đạt	K có DL
40	CK CTM	K185520103044	Phạm Viết	Tùng	5/10/2000	2018-2023	1	Aptis	15/3/2022	137	HĐA	HN		Đạt	
41	CK CTM	K185520103101	Trần Văn	Hải	31/5/2000	2018-2023	1	Aptis	4/9/2022	136	HĐA	HN		Đạt	
42	CK CTM	K185520103073	Đặng Phương	Nam	28/7/2000	2018-2023	1	B1	20/3/2022	90	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
43	CK CTM	K185520103076	Dương Văn	Quân	15/4/2000									K Đạt	K có DL
44	CK CTM	K185520103077	Phạm Văn	Quý	21/1/2000									K Đạt	K có DL
45	CK CTM	K185520103082	Tạ Huy	Thìn	5/7/2000	2018-2023	1	A2, B1	18/9/2022	94	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	

46	CK CTM	K185520103084	Nông Văn	Tỉnh	8/1/2000	2018/2023	1	B1	23/4/2023	140	Cambrige English	Hà Nội		K Đạt	K thuộc DS CC Nhà trường công nhận
47	CK CTM	K185520103086	Phí Mạnh	Trung	27/8/1999									K Đạt	K có DL
48	CK CTM	K185520103094	Nguyễn Tiến	Đạt	26/5/2000									K Đạt	K có DL
49	CK CTM	K185520103122	Hứa Văn	Quyết	2/10/2000	2018/2023	1	B1	23/4/2023	140	Cambrige English	Hà Nội		K Đạt	K thuộc DS CC Nhà trường công nhận
50	CK CTM	K185520103133	Phạm Văn	Việt	2/1/2000									K Đạt	K có DL
51	CK CTM	K185520103143	Đàm Đức	Dương	5/10/2000									K Đạt	K có DL
52	CK CTM	K185520103158	Nguyễn Đình	Long	10/2/2000									K Đạt	K có DL
53	CK CTM	K185520103161	Dương Văn	Nam	8/9/2000									K Đạt	K có DL
54	CK CTM	K185520103167	Nguyễn Xuân	Sang	25/10/2000									K Đạt	K có DL
55	CK CTM	K185520103168	Nguyễn Văn	Thắng	11/7/2000	2018-2023	1	B1	30/3/2022	98	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
56	CK CTM	K185520103226	Lê Văn	Thường	8/12/2000	2018-2023	1	HSK3	18/2/2023	287	VKT	HN		Đạt	
57	KT CĐT	K185520114001	Nguyễn Tuấn	Anh	13/3/2000	2018-2023	1	TOEIC	18/12/2022	540	IIG VN	ĐHKTCN		Đạt	
58	KT CĐT	K185520114006	Dương Việt	Cường	21/5/2000	2018-2023	1	B1	15/5/2022	90	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
59	KT CĐT	K185520114024	Trần Trung	Kiên	18/9/2000	2018-2023	1	TOPJ	0	365	TOPJ	HN		Đạt	
60	KT CĐT	K185520114044	Lưu Văn	Thường	17/12/2000	2018-2023	1	HSK3	25/2/2023	278	VKT	HN		Đạt	
61	KT CĐT	K185520114051	Lê Xuân	Tùng	15/4/2000	2018-2023	1	HSK3	11/3/2023	235	VKT	HN		Đạt	
62	KT CĐT	K185520114052	Vương Thị Hồng	Vân	12/6/2000	2018-2023	1	B1	18/9/2022	92	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
63	KT CĐT	K185520114230	Dương Tuấn	Anh	26/5/2000									K Đạt	K có DL
64	KT CĐT	K185520114066	Luân Đức	Duy	1/7/2000									K Đạt	K có DL
65	KT CĐT	K185520114097	Phạm Quốc	Thịnh	22/4/2000	2018-2023	1	B1	20/3/2022	91	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
66	KT CĐT	K185520114109	Nguyễn Quang	Bách	9/11/2000									K Đạt	K có DL
67	KT CĐT	K185520114116	Nguyễn Công	Đoàn	27/2/2000	2018-2023	1	TOEIC	17/3/2019	515	IIG VN	ĐHKTCN		Đạt	
68	KT CĐT	K185520114138	Nguyễn Phương	Nam	23/3/1998	2018-2023	1	TOPJ	13/12/2020	275	TOPJ VN	ĐHQG HN		Đạt	
69	KT CĐT	K185520114141	Nguyễn Văn	Nước	11/1/2000	2018-2023	1	B1	15/5/2022	94	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	

[illegible]

[illegible]

131	KTĐ	K175520201253	Dương Hải	Đoàn	20/3/1999	2017/2022	1	HSK3	23/4/2022	242	VKT	HN		Đạt	
132	TĐH XNCN	K145905228020	Vũ Hoàng	Dương	2/9/1995	2017/2023	1	APTIS	9/1/2023	B1	HĐA	HN		Đạt	
133	TĐH XNCN	K175520201134	Hoàng Anh	Trình	24/7/1999									K Đạt	K có DL
134	TĐH XNCN	K175520216048	Nguyễn Văn	Thi	10/5/1997									K Đạt	K có DL
135	TĐH XNCN	K175520216090	Đặng Thành	Long	4/10/1999	2017/2023	1	APTIS	20/3/2023	B1	HĐA	HN		K Đạt	Chưa có KQHK
136	TĐH XNCN	K175520216101	Triệu Lê Anh	Quân	23/9/1999	2017/2023	1	B1	15/1/2022	97	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
137	TĐH XNCN	K175520216116	Hoàng Công	Tuân	14/11/1998	2017/2023	1	B1	15/1/2022	93	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
138	TĐH XNCN	K175520216137	Nguyễn Ngọc	Hoàn	18/7/1999	2017/2023	1	B1	12/12/2021	91	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
139	TĐH XNCN	K175520216151	Nguyễn Tuấn	Long	17/8/1999									K Đạt	K có DL
140	TĐH XNCN	K175520216172	Lại Đức Hoàng	Tôn	15/11/1999	2017/2023	1	B1	15/5/2022	91	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
141	TĐH XNCN	K175520216259	Vũ Ngọc	Tuân	27/3/1999	2017-2022	1	TOPJ	13/12/2020	285	TOPJ VN	ĐHQG HN		Đạt	
142	TĐH XNCN	K175520216188	Đường Minh	Đức	27/6/1999	2017/2023	1	B1	18/9/2022	91.5	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
143	TĐH XNCN	K175520216283	Nguyễn Trung	Khang	26/10/1999	2017/2023	1	B1	18/3/2022	94	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
144	HTĐ	K185520201076	Ngô Văn	Hung	1/7/2000	2018/2023	1	B1	15/5/2022	94	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
145	HTĐ	K185520201113	Trần Xuân	Đức	29/12/2000									K Đạt	K có DL
146	HTĐ	K185520201125	Nguyễn Sỹ Quang	Huy	9/8/2000									K Đạt	K có DL
147	KTĐ	K185520201010	Hồ Huy	Hoàng	5/12/2000	2018/2023	1	B1	15/05/2022	94	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
148	KTĐ	K185520201030	Nguyễn Văn	Tú	10/4/2000	2018/2023	1	B1	20/03/2022	97	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
149	KTĐ	K185520201032	Mai Thanh	Tùng	27/4/2000	2018/2023	1	B1	20/10/2022	93	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
150	KTĐ	K185520201034	Mai Ngọc	Anh	13/11/2000									K Đạt	K có DL
151	KTĐ	K185520201036	Hoàng Đức	Công	11/9/2000	2018/2023	1	B1	20/03/2022	91	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
152	KTĐ	K185520201172	Trịnh Đức	Anh	1/5/2000									K Đạt	K có DL
153	KTĐ	K185520201055	Bùi Minh	Nhật	25/8/2000	2018/2023	1	B1	10/9/2022	94	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
154	KTĐ	K185520201057	Đỗ Trường	Sinh	27/5/2000									K Đạt	K có DL
155	KTĐ	K185520201059	Đinh Thế	Thành	7/8/2000	2018/2023	1	B1	15/5/2022	91	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
156	KTĐ	K185520201062	Tạ Quỳnh	Trang	2/3/2000	2018/2023	1	B1	19/03/2022	96	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
157	KTĐ	K185520201063	Ngô Văn	Tú	29/5/2000	2018/2000	1	B1	20/3/2022	93	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
158	TĐH XNCN	K185520201181	Nguyễn Văn	Chung	14/6/2000	2018/2023	1	TOEFL	8/4/2019	463	IIG VN	ĐHKTCN		Đạt	
159	TĐH XNCN	K185520216083	Nguyễn Văn	Linh	1/11/2000	2018/2023	1	TOPJ	13/12/2020	375	TOPJ	ĐHQG		Đạt	

196	TĐH XNCN	K185520216151	Hoàng Văn	Phú	26/5/2000	2018/2023	1	B1	18/9/2022	97	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
197	TĐH XNCN	K185520216152	Hoàng Thị	Phuong	11/3/2000									K Đạt	K có DL
198	TĐH XNCN	K185520216166	Trịnh Long	Tú	21/3/2000									K Đạt	K có DL
199	TĐH XNCN	K185520216348	Đông Thị	Chinh	7/2/2000	2018/2023	1	B1	18/9/2022	90	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
200	TĐH XNCN	K185520216433	Vũ Minh	Hiệp	30/8/2000									K Đạt	K có DL
201	TĐH XNCN	K185520216177	Nguyễn Việt	Cường	4/10/2000									K Đạt	K có DL
202	TĐH XNCN	K185520216186	Lê Quang	Hiếu	27/9/2000	2018/2023	2	TOEIC	5/10/2020	455	IIG VN	ĐHKTCN		Đạt	
203	TĐH XNCN	K185520216187	Trịnh Minh	Hiếu	10/1/2000	2018/2023	1	B1	20/03/2022	93	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
204	TĐH XNCN	K185520216201	Hoàng Ngọc	Mai	19/2/2000	2018/2023	1	B1	20/3/2022	96	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
205	TĐH XNCN	K185520216219	Trần Đức	Toàn	27/10/2000	2018-2023	1	TOPJ	13/12/2020	335	TOPJ	HN		Đạt	
206	TĐH XNCN	K185520216346	Dương Thị Mai	Anh	6/10/2000									K Đạt	K có DL
207	TĐH XNCN	K185520216347	Trần Ngọc	Anh	7/9/2000	2018/2023	1	TOEIC	21/8/2022	555	IIG VN	ĐHKTCN		Đạt	
208	TĐH XNCN	K185520216415	Trần Văn	Biên	14/4/2000									K Đạt	K có DL
209	TĐH XNCN	K185520216232	Lê Nhật	Anh	1/7/2000	2018/2023	1	B1	10/9/2022	94	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
210	TĐH XNCN	K185520216234	Nguyễn Hải	Công	4/3/2000	2018/2023	1	B1	18/9/2022	97	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
211	TĐH XNCN	K185520216247	Nguyễn Việt	Hoàng	12/8/2000	2018/2023	1	B1	18/9/2022	95	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
212	TĐH XNCN	K185520216257	Nguyễn Thành	Long	2/9/2000	2018/2023	1	B1	18/9/2022	94	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
213	TĐH XNCN	K185520216278	Đông Quang	Triệu	31/8/2000	2018/2023	1	B1	18/9/2022	92	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
214	TĐH XNCN	K185520216283	Vũ Duy	Tùng	1/4/2000	2018/2023	1	HSK3	20/3/2021	213	VKT	TN		Đạt	
215	TĐH XNCN	K185520216284	Phạm Bảo	Uyên	27/7/2000									K Đạt	K có DL
216	TĐH XNCN	K185520216423	Hoàng Cảnh	Dương	30/6/2000	2018/2023	1	B1	18/9/2022	94	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
217	ĐTVT	K135520207022	Ngô Quang	Hoàn	5/9/1995	2013/2023	2	TOEFL	14/2/2023 21/3/2023	380 397	IIG VN	HN	211	K Đạt	02 lần thi ngoài TNUT
218	KTĐK	K145520216168	Hà Thế	Lực	20/11/1996									K Đạt	K có DL
219	KTĐT	K155520207060	Lê Đức	Anh	20/7/1997									K Đạt	K có DL
220	KTĐT	K155520207103	Trần Ngọc	Son	6/5/1997	2015/2023	2	TOEFL	21/8/2022 23/10/2022	370 373	IIG VN	ĐHKTCN	202	Đạt	
221	THCN	K155520214002	Đinh Văn	Dũng	2/10/1997									K Đạt	K có DL
222	THCN	K155520214007	Vương Trung	Kiên	27/9/1997									K Đạt	K có DL
223	ĐTVT	K165520207025	Nguyễn Văn	Son	1/3/1998									K Đạt	K có DL
224	KTĐT	K165520201041	Kiều Quang	Ninh	16/12/1998	2016/2023	1	TOPJ	15/1/2023	325	TOPJ	HN		Đạt	
225	KTĐT	K165520207041	Đặng Quý	Hướng	18/2/1998									K Đạt	K có DL
226	THCN	K165520114135	Lê Xuân	Thiều	3/3/1998									K Đạt	K có DL
227	THCN	K165520114167	Nguyễn Bích	Hạnh	20/11/1998	2016/2022	1	A2	20/3/2022	83	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
228	THCN	K165520214001	Vũ Mạnh	Công	24/10/1998									K Đạt	K có DL

229	THCN	K165520214017	Đoàn Duy	Tùng	7/2/1998									K Đạt	K có DL
230	ĐTVT	K175520207019	Nguyễn Văn	Phong	23/6/1999	2017/2023	1	HSK3	3/11/2023	261	VKT	HN		Đạt	
231	THCN	K175520214002	Trần Công	Chiến	30/4/1999									K Đạt	K có DL
232	THCN	K175520214009	Nguyễn Tùng	Lâm	27/1/1999									K Đạt	K có DL
233	THCN	K175520214015	Mã Văn	Nguyễn	6/3/1999									K Đạt	K có DL
234	THCN	K175520214016	Lục Thị	Oanh	28/11/1997	2017/2023	2	A2, B1	25/5/2022 7/10/2022	79 46	ĐHKTCN	ĐHKTCN	211	Đạt	
235	KTĐK	K185520201120	Dương Văn	Hưng	20/12/2000	2018/2023	1	TOEIC	18/12/2022	585	IIG VN	ĐHKTCN		Đạt	
236	KTĐK	K185520216060	Lê Thị Quỳnh	Anh	24/8/2000	2018/2023	1	B1	16/4/2023	140	Cambrige English	Hà Nội		K Đạt	K thuộc DS CC Nhà trường công nhận
237	KTĐK	K185520216124	Trần Văn	Đức	15/9/2000	2018/2023	1	TOEIC	19/12/2021	545	IIG VN	ĐHKTCN		Đạt	
238	KTĐK	K185520216149	Đào Văn	Ngọc	1/9/2000	2018/2023	1	N4	4/12/2022	120	JLPT	HN		K Đạt	Chưa có KQHK
239	KTĐK	K185520216331	Trần Đình	Thắng	4/11/2000	2018/2023	1	B1	14/5/2022	94	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
240	ĐTVT	K185520207016	Đoàn Mạnh	Hưng	28/6/2000									K Đạt	K có DL
241	ĐTVT	K185520207024	Lê Thị	Lý	13/8/2000									K Đạt	K có DL
242	KTĐT	K185520207003	Nguyễn Văn	Bình	5/12/2000	2018/2023	1	A2, B1	15/5/2022	96	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
243	KTĐT	K185520207010	Ngô Văn	Hải	29/10/2000									K Đạt	K có DL
244	KTĐT	K185520207032	Ngô Hồng	Quân	19/6/2000	2018/2023	1	B1	15/5/2022	91.5	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
245	KTĐT	K185520207042	Nguyễn Hữu	Thiện	29/6/2000	2018/2023	1	B1	15/5/2022	95	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
246	KTĐT	K185520207044	Nguyễn Thị	Thu	18/2/2000	2018/2023	1	B1	15/5/2022	98	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
247	KTĐT	K185520207045	Nguyễn Thị Huyền	Thu	21/8/2000	2018/2023	1	B1	14/5/2022	95.5	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
248	KTĐT	K185520207054	Nguyễn Thị Khánh	Vy	21/7/2000	2018/2023	1	B1	14/5/2022	95.5	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
249	KTĐT	K185520207060	Dương Quỳnh	Giang	2/11/2000	2018/2023	1	B1	14/5/2022	95	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
250	KTĐT	K185520207062	Dương Đình	Kiên	14/11/2000	2018/2023	1	B1	14/5/2022	96	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
251	KTĐT	K185520207064	Đỗ Thị Tuyết	Nhi	11/7/2000	2018/2023	1	B1	14/5/2022	90	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
252	THCN	K185480106048	Vũ Thái	Sơn	22/11/1998	2018/2023	1	TOEIC	23/1/2022	765	IIG VN	ĐHKTCN		Đạt	
253	QLCN	K145510601006	Phí Thị Hồng	Hạnh	19/9/1996	2014/2023	2	TOEFL	23/01/2022 17/04/2022	407 400	IIG VN	ĐH KTCN	181	Đạt	
254	CN OTO	K145520103032	Dương Văn	Lâm	11/11/1996									K Đạt	K có DL
255	CKĐL	K135520103508	Nguyễn Đức	Thắng	18/6/1995	2013/2023	2	TOEFL	17.4.22- 5.6.22	357; 347	IIG VN	ĐH KTCN	201	Đạt	

256	CN OTO	K155510205003	Trần Tuấn	Anh	20/12/1997									K Đạt	K có DL
257	CN OTO	K155510205030	Nguyễn Văn	Khánh	28/4/1997									K Đạt	K có DL
258	CN OTO	K155510205041	Nguyễn Trường	Ninh	24/8/1997	2014/2023	2	A2, B1	T11/2020; T3 2022	28; 21	ĐHKTCN	ĐH KTCN	183	Đạt	
259	CN OTO	K165510205009	Lê Đình	Cương	2/1/1998									K Đạt	K có DL
260	CN OTO	K165510205040	Nguyễn Phúc	Nam	21/5/1998									K Đạt	K có DL
261	CN OTO	K165510205055	Nguyễn Đức	Thiện	9/6/1998	2016/2023	2	TOEFL	27/9/20, 21/8/22	370, 327	IIG VN	ĐH KTCN	201	K Đạt	01 đợt thi khi chưa HTCTĐT
262	CN OTO	K165520103089	Bùi Quang	Huy	30/11/1998									K Đạt	K có DL
263	CN OTO	K175510205060	Tạ Đình	Đạt	10/3/1999	2017/2023	1	B1	20/3/2022	96.5	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
264	CN OTO	K175510205073	Nguyễn Việt	Hội	17/2/1999									K Đạt	K có DL
265	CN OTO	K175510205084	Nguyễn Hoài	Nam	4/4/1999									K Đạt	K có DL
266	CN OTO	K175510205120	Đỗ Văn	Tạo	14/10/1999	2017/2023	1	B1	12/12/2021	91	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
267	KT CKĐL	K185520116002	Trịnh Việt	Kiên	15/4/2000	2018/2023	1	B1	20/3/2022	98	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
268	KT CKĐL	K185520116004	Nguyễn Thành	Long	11/11/2000	2018/2023	1	B1	20/3/2022	94.5	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
269	KT CKĐL	K185520116010	Chu Việt	Hoàng	14/12/2000	2018/2023	1	B1	20/3/2022	98	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
270	KT CKĐL	K185520116011	Chu Trung	Kiên	17/1/2000									K Đạt	K có DL
271	KT CKĐL	K185520116012	Chu Văn	Khánh	2/9/2000	2018/2023	1	B1	20/3/2022	98	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
272	KT CKĐL	K185520116020	Đặng Ngọc	Quang	2/8/2000	2018/2023	1	B1	20/3/2022	95	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
273	KT CKĐL	K185520116025	Vũ Văn	Toàn	13/5/2000	2018/2023	1	B1	20/3/2022	95	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
274	KT CKĐL	K185520116028	Trần Hữu	Dương	17/12/2000									K Đạt	K có DL
275	KT CKĐL	K185520116039	Nguyễn Tiến	Anh	17/12/2000									K Đạt	K có DL
276	CN OTO	K185510205019	Tạ Hữu	Thắng	24/6/2000	2018/2023	1	B1	20/3/2022	99	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
277	CN OTO	K185510205027	Cao Thành	Công	30/6/2000									K Đạt	K có DL
278	CN OTO	K185510205035	Nguyễn Việt	Khải	25/9/1999	2018/2023	1	B1	12/12/2021	94	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
279	CN OTO	K185510205036	Mạch Hiếu	Kiên	4/12/2000	2018/2023	1	B1	24/4/2023	140	Cambridge English	Hà Nội		K Đạt	K thuộc DS CC Nhà trường công nhận
280	CN OTO	K185510205167	Nguyễn Văn	Hải	23/9/2000	2018/2023	1	B1	16/1/2022	90	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
281	CN OTO	K185520114151	Dương Thị Thanh	Thùy	30/9/2000	2018/2023	1	B1	18/9/2022	92	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
282	CN OTO	K185510205071	Nguyễn Văn	Tùng	26/9/2000	2018/2023	1	B1	15/5/2022	94	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
283	CN OTO	K185510205094	Trần Minh	Tú	15/10/2000	2018/2023	1	B1	15/5/2022	91	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	

284	CN OTO	K185510205098	Trần Đức	Chiến	9/3/2000	2018/2023	1	B1	11/9/2022	93	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
285	CN OTO	K185510205109	Nguyễn Như	Luân	5/4/2000									K Đạt	K có DL
286	CN OTO	K185510205134	Nguyễn Văn	Mười	14/12/2000	2018/2023	1	B1	20/3/2022	94	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
287	CN OTO	K185510205135	Đỗ Đức	Nam	26/2/2000	2018-2023	1	B1	15/5/2022	95	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
288	CN OTO	K185510205139	Nguyễn Đức	Thọ	21/3/2000	2018/2023	1	HSK3	18/2/2023	287	VKT	HN		Đạt	
289	CN OTO	K185510205141	Từ Quang	Trường	14/5/2000	2018/2023	1	B1	20/3/2022	95	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	
290	CN KT OTO	PY1151209001	Trương Đức	Cường	10/10/1999										K xét
291	CN KT OTO	PY1151209002	Vũ Duy	Nam	19/11/1998										K xét
292	CN KT OTO	PY1151209003	Hoàng Bảo	Ngọc	23/8/1999										K xét
293	CN KT OTO	PY1151209005	Vì Văn	Thiện	13/5/1990										K xét
294	CN KT OTO	PY1151209006	Tạ Văn	Tuấn	5/1/1991										K xét
295	CN KT OTO	PY20651020501	Dương Văn	Luân	24/3/1990										K xét
296	CN KT OTO	PY20651020502	Khúc Chiến	Thắng	17/6/1997										K xét
297	CN KT OTO	PY20651020503	Nguyễn Ngọc	Tú	12/4/1990										K xét
298	CN KT OTO	PY20651020504	Lê Duy	Tùng	7/5/1988										K xét
299	CN KT OTO	PY20651020505	Lương Văn	Xem	25/11/1981										K xét
300	CN KT OTO	PY20651020506	Nguyễn Mạnh	Hùng	31/7/1998										K xét
301	CN KT OTO	PY20651020508	Hà Đình	Văn	5/8/1996										K xét
302	CN KT OTO	PY20651020510	Đàm Hữu	Vũ	8/3/1980										K xét
303	KTCK	K145520114071	Nguyễn Chiến	Hạm	17/9/1996									K Đạt	K có DL
304	KTĐ	K165905228007	Vũ Thanh	Hải	18/6/1998									K Đạt	K có DL
305	KTĐ	K175905228011	Lê Thị Hồng	Nhung	26/10/1999									K Đạt	K có DL
306	KTCK	K175905218004	Đỗ Văn	Đức	11/12/1999									K Đạt	K có DL
307	KTCK	K175905218007	Bàn Phúc	Hiếu	28/8/1998									K Đạt	K có DL
308	KTCK	K175905218019	Dương Văn	Phương	24/10/1999									K Đạt	K có DL
309	XDDD&CN	CN19658020108	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	17/3/1984										K xét
310	KTXD CTGT	K125580205006	Hà Đại	Hải	26/10/1993	2012/2023	2	A2, B1	16/09/2020; 03/11/2020	42/62	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	Miễn
311	XDDD&CN	K135580201088	Diệp Văn	Quang	22/1/1995									K Đạt	K có DL
312	XDDD&CN	K135580201100	Trần Văn	Tuấn	16/9/1995									K Đạt	K có DL
313	KTMT	K145520320002	Đỗ Tiến	Đạt	28/12/1996									K Đạt	K có DL
314	KTMT	K145520320024	Hà Thị Thu	Hường	14/7/1996									K Đạt	K có DL
315	KTMT	K145520320069	Mai Thị	Thảo	12/8/1996									K Đạt	K có DL
316	XDDD&CN	K155580201001	Trương Ngọc	Châu	3/11/1997									K Đạt	K có DL
317	XDDD&CN	K155580201003	Phạm Thành	Đạt	22/2/1997	2015/2023	2	A2, B1	T1/2022; T9/2022	28; 31	ĐHKTCN	ĐH KTCN		Đạt	

318	XDDD&CN	K155580201027	Nguyễn Hữu	Phong	26/12/1997	2015/2023	1	TOEFL	10/11/2019	437	IIG VN	HN		Đạt	
319	XDDD&CN	K145580201057	Nguyễn Văn	Khôi	7/3/1995									K Đạt	K có DL
320	TĐH XNCN	K185520216339	Hoàng Anh	Tuấn	18/10/2000	2018/2023	1	B1	20/03/2022	94	ĐHKTCN	ĐHKTCN		Đạt	
321	HTĐ	K165520201098	Bùi Trung	Kiên	18/5/1998									K Đạt	K có DL
322	CK CTM	K145520103161	Phạm Việt	Cường	16/5/1996									K Đạt	K có DL

Ghi chú:
K Đạt: Không đạt
K có DL: Không có dữ liệu
Chưa có KQHK: Chưa có kết quả hậu kiểm
K xét: Không xét
HĐ xem xét: Hội đồng xem xét
HTCTĐT: Hoàn thành chương trình đào tạo
02 lần thi ngoài TNUT: 02 lần thi ngoài Trường-không được xét hạ chuẩn
K thuộc DS CC Nhà trường công nhận: Không thuộc danh sách Chứng chỉ được Nhà trường công nhận

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Ths. Nguyễn Thị Diệu Huyền

TS. Nguyễn Đức Tường